

Số: 2547 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 636/TTr-SNV ngày 10 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam như sau:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 07 vị trí;
2. Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ: 32 vị trí;
3. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm (có biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam ban hành Bản mô tả công việc và thực hiện việc bố trí công chức theo vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TTr UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (N).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC CỦA BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 2247.../QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Mã vị trí việc làm	Tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm (%)
	Tổng số		39 vị trí	100,00
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		07 vị trí	35,29
1	Trưởng Ban	Chuyên viên cao cấp	NA-BQL-I.01	2,94
2	Phó Trưởng Ban	Chuyên viên cao cấp	NA-BQL-I.02	2,94
3	Phó Trưởng Ban	Chuyên viên chính	NA-BQL-I.03	5,88
4	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính	NA-BQL-I.04	2,94
5	Trưởng phòng	Chuyên viên chính	NA-BQL-I.05	8,82
6	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính	NA-BQL-I.06	2,94
7	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên chính	NA-BQL-I.07	8,82
II	Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ		32 vị trí	64,71
1	Chuyên viên chính quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.01	2,94
2	Chuyên viên quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	NA-BQL-II.02	2,94
3	Chuyên viên quản lý quy hoạch	Chuyên viên	NA-BQL-II.03	2,94
4	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	NA-BQL-II.04	0,00
5	Chuyên viên quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	NA-BQL-II.05	2,94
6	Chuyên viên về giám định và quản lý chất lượng công trình xây dựng	Chuyên viên	NA-BQL-II.06	0,00
7	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	NA-BQL-II.08	0,00
8	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.09	2,94
9	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	NA-BQL-II.10	2,94
10	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.11	2,94
11	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	NA-BQL-II.12	5,88
12	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	NA-BQL-II.13	2,94
13	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.14	0,00
14	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	NA-BQL-II.15	5,88
15	Chuyên viên chính về Quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.16	2,94

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Mã vị trí việc làm	Tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm (%)
16	Chuyên viên về Quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên	NA-BQL-II.17	5,88
17	Chuyên viên về Quản lý lao động ngoại nước	Chuyên viên	NA-BQL-II.18	2,94
18	Chuyên viên về an toàn vệ sinh lao động	Chuyên viên	NA-BQL-II.19	2,94
19	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính	NA-BQL-II.20	2,94
20	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	NA-BQL-II.21	2,94
21	Chuyên viên về tham mưu tổng hợp chuyên ngành	Chuyên viên	NA-BQL-II.22	0,00
22	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	NA-BQL-II.23	2,94
23	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	NA-BQL-II.24	2,94
24	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	NA-BQL-II.25	0,00
25	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên	NA-BQL-II.26	0,00
26	Phụ trách kế toán	Chuyên viên	NA-BQL-II.27	2,94
27	Kế toán viên	Chuyên viên	NA-BQL-II.28	0,00
28	Văn thư viên	Chuyên viên	NA-BQL-II.29	0,00
29	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	NA-BQL-II.30	0,00
30	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	NA-BQL-II.31	0,00
31	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	NA-BQL-II.32	0,00
32	Pháp chế viên	Chuyên viên	NA-BQL-II.33	0,00

UBND TỈNH NGHỆ AN